

Tuần :23
Ngày soạn : Ngày dạy : 05/02/2021
Lớp dạy : 7a5,7a6,7a7,7a8

CHỦ ĐỀ : LỚP THÚ (6 tiết)

Tiết 1 THỎ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Tìm hiểu đời sống và giải thích được sự sinh sản của thỏ.
- Thấy được cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù.
- Tìm hiểu đặc điểm di chuyển của thỏ.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng: quan sát nhận biết kiến thức, hoạt động nhóm

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức yêu thích bộ môn, bảo vệ động vật

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- 1. GV:** - Tranh hình 46.2, 46.3 sgk
- Một số tranh về hoạt động sống của thỏ
- Mô hình thỏ

- 2. HS:** - Đọc trước bài mới
- Kẻ trước bảng sgk T150 vào vở

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp.

- Kiểm tra sĩ số

2. KTBC.

3. Bài mới.

Mở bài: Lớp thú là lớp động vật có cấu tạo cơ thể hoàn chỉnh nhất trong giới động vật và đại diện là con thỏ. Vậy cấu tạo và tập tính sinh sống của thỏ như thế nào, giúp thỏ có thể tồn tại được giữa bầy chim, thú nguy hiểm thường xuyên rình rập, săn đuổi chúng.

HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu đời sống của thỏ và sự sinh sản

Mục tiêu: - Thấy được 1 số tập tính của thỏ, hiện tượng thai sinh đặc trưng cho lớp thú

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- Yêu cầu lớp nghiên cứu sgk, kết hợp hình 46.1 sgk T149 trao đổi trả lời:</p> <p>H. Đặc điểm đời sống của thỏ?</p> <p>- Gọi 1-> 2 nhóm trình bày - > nhóm khác bổ sung</p> <p>H. Tại sao trong chăn nuôi nước ta không làm chuồng thỏ bằng tre hoặc bằng gỗ?</p> <p>Hình thức sinh sản của thỏ?</p> <p>Gọi đại diện nhóm trình bày</p>	<p>- Cá nhân đọc thông tin sgk, thu thập thông tin trả lời:</p> <p>Yêu cầu nêu được:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Nơi sống+ Thức ăn và thời gian kiếm ăn+ Cách lẩn trốn kẻ thù <p>- HS trình bày ý kiến, tự rút ra kết luận</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Nơi thai phát triển+ Bộ phận giúp thai trao đổi chất với môi trường	<p>I: Đời sống của thỏ</p> <p>Đặc điểm đời sống của thỏ.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thỏ sống đào hang lẩn trốn kẻ thù bằng cách nhảy cả hai chân sau.- Ăn cỏ, lá cây bằng cách gặm nhấm, kiếm ăn về chiều.- Thỏ là động vật hằng nhiệt. <p>*Hình thức sinh sản:</p> <ul style="list-style-type: none">- Thụ tinh trong.

<p><i>H. Hiện tượng thai sinh tiến hóa hơn so với đẻ trứng và noãn thai sinh như thế nào?</i></p>	<p>+ Loại con non - Đại diện nhóm trình bày trao đổi giữa các nhóm - Tóm tắt kiến thức - HS suy nghĩ trả lời</p>	<p>- Thai phát triển trong tử cung của mẹ. - Có nhau thai -> gọi là hiện tượng thai sinh. - Con non yếu được nuôi bằng sữa mẹ.</p>
---	--	---

HOẠT ĐỘNG 2: Cấu tạo ngoài và sự di chuyển

Mục tiêu: Thấy được cấu tạo ngoài thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- Yêu cầu HS đọc thông tin sgk T149 -> thảo luận nhóm hoàn thành bảng sgk T150 - Treo bảng phụ (kẻ sẵn nội dung bảng sgk T150) lên bảng - Nhận xét các ý kiến đúng của HS những ý kiến chưa thống nhất để HS thảo luận tiếp - Thông báo đáp án đúng</p>	<p>- Cá nhân đọc thông tin trong sgk -> ghi nhớ kiến thức - Trao đổi nhóm hoàn thành bảng - Đại diện nhóm trả lời đáp án -> nhóm khác bổ sung - Các nhóm tự sửa chữa (nếu cần)</p>	<p>II: Cấu tạo ngoài và sự di chuyển 1. Đặc điểm cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi với tập tính lẩn trốn kẻ thù. Học bảng SGK</p>

Đáp án bảng phụ

Bộ phận cơ thể	Đặc điểm cấu tạo ngoài	Sự thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù
Bộ lông	Bộ lông mao dày xốp	Giữ nhiệt, bảo vệ thỏ khi ẩn trong bụi rậm
Chi (có vuốt)	Chi trước ngắn	Đào hang
	Chi sau dài khỏe	Bật nhảy xa -> chạy trốn nhanh
Giác quan	Mũi tinh, lông xúc giác	Thăm dò thức ăn và môi trường
	Tai có vành tai lớn, cử động	Định hướng âm thanh phát hiện sớm kẻ thù
	Mắt có mí cử động được	Giữ mắt không bị khô, bảo vệ khi thỏ trốn trong bụi gai rậm

HOẠT ĐỘNG 3: Di chuyển

Mục tiêu: Thấy được cách di chuyển của thỏ thích nghi với việc lẩn trốn kẻ thù.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- Yêu cầu HS quan sát H 46.4 và 46.5 SGK -> thảo luận trả lời câu hỏi: <i>H. Thỏ di chuyển bằng cách nào?</i> <i>H. Tại sao thỏ chạy không dai sức bằng thú ăn thịt, song</i></p>	<p>- Cá nhân tự nghiên cứu thông tin, quan sát hình trong SGK -> ghi nhớ kiến thức - Trao đổi nhóm thống nhất trả lời câu hỏi Yêu cầu nêu được:</p>	<p>2. Di chuyển Sự di chuyển: Thỏ di chuyển bằng cách nhảy đồng thời 2 chân, chạy theo hình chữ Z</p>

<p>một số trường hợp thỏ vẫn thoát được kẻ thù?</p> <p>H. Vận tốc của thỏ lớn hơn thú ăn thịt song thỏ vẫn bị bắt? Vì sao?</p> <p>- Yêu cầu HS rút ra kết luận về sự di chuyển của thỏ</p>	<p>+ Thỏ di chuyển: nhảy cả hai chân sau.</p> <p>+ Thỏ chạy theo đường chữ Z, còn thú ăn thịt chạy kiểu rượt đuôi nên bị mất đà</p> <p>+ Do sức bền của thỏ kém, còn thú ăn thịt sức bền lớn</p>	
---	--	--

3. Củng cố:

- GV chốt lại kiến thức
- HS đọc kết luận sgk T151

4. Kiểm tra đánh giá

Tìm các cụm từ thích hợp điền vào chỗ chấm (...) thay cho các số 1, 2, 3 để hoàn chỉnh các câu sau:

Thỏ là động vật hằng nhiệt, ăn cỏ, lá bằng cách (1)....., hoạt động về ban đêm. Để con (thai sinh), (2).....bằng sữa mẹ. Cơ thể phủ (3).....
 Cấu tạo ngoài, các giác quan, chi và cách thức di chuyển của thỏ thích nghi với đời sống và tập tính (4).....

IV. DẶN DÒ:

- Học bài trả lời câu hỏi SGK
- Đọc mục "em có biết"
- Xem lại cấu tạo bộ xương thỏ lần.

V. RÚT KINH NGHIỆM

.....

Tuần :23

Ngày soạn :

Ngày dạy : 05/02/2021

Lớp dạy : 7a5,7a6,7a7 ,7a8

CHỦ ĐỀ : LỚP THÚ (6 tiết)

Tiết 2 ĐA DẠNG CỦA LỚP THÚ

BỘ THÚ HUYỆT, BỘ THÚ TÚI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nêu được sự đa dạng của lớp thú thể hiện ở số loài, số bộ, tập tính của chúng.
- Nêu được những đặc điểm cơ bản để phân biệt bộ Thú huyết, bộ Thú túi.
- Nêu được đặc điểm cấu tạo ngoài, đời sống và tập tính của thú mỏ vịt và thú túi thích nghi với đời sống của chúng. Giải thích sự sinh sản của thú túi là tiến bộ hơn thú huyết.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng: Quan sát, so sánh, hoạt động nhóm

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức học tập, yêu thích bộ môn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. GV: - Bảng phụ

- Tranh hình 48.1, 48.2 SGK

2. HS: - Kẻ bảng SGK/T157

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp.

- Kiểm tra sĩ số

2. KTBC.

H: Nêu những đặc điểm cấu tạo trong của thỏ (một đại diện của lớp thú) thể hiện sự hoàn thiện so với các lớp động vật đã học?

3. Bài mới.

Mở bài: Kể tên số thú mà em biết? -> Rất nhiều loài thú khác sống ở mọi nơi tạo nên sự đa dạng.

HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu sự đa dạng của lớp thú

Mục tiêu: - Thấy được sự đa dạng của lớp thú, đặc điểm cơ bản để phân chia lớp thú.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>- Yêu cầu HS nghiên cứu SGK/T156 trả lời câu hỏi:</p> <p><i>H. Sự đa dạng của lớp thú thể hiện ở đặc điểm nào?</i></p> <p><i>H. Người ta phân chia lớp thú dựa trên đặc điểm cơ bản nào?</i></p> <p>Nhận xét, bổ sung: Ngoài đặc điểm sinh sản khi phân chia người ta còn dựa vào điều kiện sống, chi và bộ răng</p> <p>Ví dụ: Bộ ăn thịt, bộ guốc chẵn, bộ guốc lẻ</p> <p>Rút ra kết luận về sự đa dạng của lớp thú</p>	<p>- HS tự đọc thông tin SGK, theo dõi sơ đồ các lớp thú, trả lời câu hỏi</p> <p>Yêu cầu nêu được:</p> <p>+ Số loài nhiều.</p> <p>+ Dựa vào đặc điểm sinh sản</p> <p>- Đại diện 1 -> 2 HS trả lời, HS khác bổ sung.</p>	<p>*Tìm hiểu sự đa dạng của lớp thú</p> <p>- Lớp thú có số lượng loài rất lớn sống ở khắp nơi</p> <p>- Phân chia lớp thú dựa trên đặc điểm sinh sản, bộ răng, chi</p>

HOẠT ĐỘNG 2: Bộ thú huyệt, Bộ thú túi

Mục tiêu: Thấy được cấu tạo thích nghi với đời sống của bộ thú huyệt và bộ thú túi. Đặc điểm sinh sản của hai bộ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung																								
<p>- Yêu cầu HS nghiên cứu SGK/T156, 157, hoàn thành bảng sau:</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Loài</th> <th>Nơi sống</th> <th>Cấu tạo chi</th> <th>Sự di</th> <th>Sinh sản</th> <th>Con sơ sinh</th> <th>Bộ phận tiết sữa</th> <th>Cách bú sữa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thú mỏ vịt</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Kanguru</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>- Đưa ra bảng phụ để lần lượt HS tự điền</p> <p>- Đưa ra nội dung bảng chuẩn</p> <p>- Yêu cầu thảo luận tiếp:</p>	Loài	Nơi sống	Cấu tạo chi	Sự di	Sinh sản	Con sơ sinh	Bộ phận tiết sữa	Cách bú sữa	Thú mỏ vịt								Kanguru								<p>- Cá nhân HS đọc thông tin và quan sát hình về thú mỏ vịt và thú có túi -> hoàn thành bảng.</p> <p>- Yêu cầu dùng số thứ tự.</p> <p>- Một vài HS lên bảng điền nội dung.</p> <p>- Cá nhân xem lại thông tin SGK và bảng so sánh vừa</p>	<p>I. Thú mỏ vịt:</p> <p>+ Có lông mao dày, chân có màng</p> <p>+ đẻ trứng, chưa có núm vú, nuôi con bằng sữa.</p> <p>II. Kanguru</p>
Loài	Nơi sống	Cấu tạo chi	Sự di	Sinh sản	Con sơ sinh	Bộ phận tiết sữa	Cách bú sữa																			
Thú mỏ vịt																										
Kanguru																										

<p>H. Tại sao thú mỏ vịt đẻ trứng mà lại được xếp vào lớp thú?</p> <p>H. Tại sao thú mỏ vịt con không bú sữa mẹ như chó con hay mèo con?</p> <p>H. Thú mỏ vịt có cấu tạo nào phù hợp với đời sống bơi lội ở nước?</p> <p>H. Kanguru có cấu tạo như thế nào phù hợp với lối sống chạy nhảy trên đồng cỏ?</p> <p>H. Tại sao kanguru con phải nuôi trong túi ấp của thú mẹ?</p> <p>Cho HS thảo luận toàn lớp -> nhận xét</p> <p>Yêu cầu HS tự rút ra kết luận về:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấu tạo + Đặc điểm sinh sản. 	<p>mới hoàn thành trao đổi nhóm.</p> <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nuôi con bằng sữa + Thú mẹ chưa có núm vú + Chân có màng + 2 chân sau to khỏe, dài. + Con non nhỏ chưa phát triển đầy đủ. - Đại diện nhóm trình bày -> nhóm khác bổ sung. 	<ul style="list-style-type: none"> + Chi sau dài khỏe, đuôi dài + Đẻ con rất nhỏ, thú mẹ có núm vú.
--	--	---

3. Củng cố:

- GV chốt lại kiến thức
- HS đọc kết luận sgk

4. Kiểm tra đánh giá:

Đánh dấu x vào câu trả lời đúng.

1. Thú mỏ vịt được xếp vào lớp thú vì:

- a. Cấu tạo thích nghi với đời sống ở nước.
- b. Nuôi con bằng sữa.
- c. Bộ lông dày giữ nhiệt.

2. Con non của Kanguru phải nuôi trong túi ấp là do:

- a. Thú mẹ có đời sống chạy nhảy.
- b. Con non rất nhỏ, chưa phát triển đầy đủ.
- c. Con non chưa biết bú sữa.

IV. DẶN DÒ:

- Học bài và đọc mục em có biết.
- Đọc trước bài mới.

V. RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

Tuần :23

Ngày soạn :

Ngày dạy :

Lớp dạy : 7a5,7a6,7a7 ,7a8

CHỦ ĐỀ : LỚP THÚ (6 tiết)

TIẾT 3: ĐA DẠNG CỦA LỚP THÚ (tt)

BỘ ĐÔI VÀ BỘ CÁ VOI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức ; - HS nêu được những đặc điểm cấu tạo ngoài và tập tính của đôi và cá voi thích nghi với điều kiện sống.

2. Kỹ năng: - Rèn kỹ năng: quan sát, so sánh, hoạt động nhóm

3. Thái độ: - Giáo dục ý thức yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. GV: - Bảng phụ

- Tranh hình 49.1, 49.2 SGK

2. HS: - Kẻ bảng SGK/T161

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp.

-Kiểm tra sĩ số

2. KTBC.

H. Phân biệt các nhóm thú bằng đặc điểm sinh sản và tập tính bú của con sơ sinh?

3. Bài mới.

Mở bài: Trong lớp thú (Có vú) đôi là động vật duy nhất biết bay thực sự, còn cá voi là thú duy nhất có kích thước lớn nhất thích nghi hoàn toàn với đời sống bơi lặn. Vậy cấu tạo và tập tính của chúng đã có những biến đổi như thế nào để...

HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu một vài tập tính của đôi và cá voi

Mục tiêu: HS hiểu tập tính ăn của đôi và cá voi liên quan đến cấu tạo miệng.

Hoạt động của GV				Hoạt động của HS	Nội dung
- Yêu cầu HS quan sát hình 49.1, đọc thông tin SGK/T159 -> Hoàn thành phiếu học tập 1				- HS tự quan sát tranh, trao đổi nhóm hoàn thành phiếu học tập Yêu cầu: + Đặc điểm răng. + Cách di chuyển trong nước và trên không. - HS chọn 1,2 điền vào các ô trống - Đại diện nhóm trình bày kết quả - > các nhóm khác bổ sung, hoàn chỉnh đáp án. - Các nhóm tự sửa chữa.	I. Tìm hiểu một vài tập tính của đôi và cá voi - Cá voi: Bơi uốn mình, ăn bằng cách lọc môi -Đôi: Dùng răng phá vỡ vỏ sấu bọ, bay không có đường rõ
Tên DV	Di chuyển	Thức ăn	Đặc điểm răng, cách ăn		
Đôi					
Cá voi					
Câu trả lời lựa chọn	1.Bay không có đường bay rõ rệt 2. Bơi uốn mình theo chiều dọc	1. Tôm , cá, động vật nhỏ 2. Sấu bọ	1. Không có răng lọc môi bằng các khe của tấm sừng miệng 2.Răng nhọn sắc, phá vỡ vỏ cứng của sấu bọ.		
- Ghi kết quả của các nhóm lên bảng để so sánh - Thông báo đáp án đúng.					

HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu đặc điểm của đôi và cá voi thích nghi với điều kiện sống

Mục tiêu: - HS nêu được đặc điểm cấu tạo của chi trước, chi sau, hình dáng cơ thể phù hợp với đời sống.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
------------------	------------------	----------

- Yêu cầu HS: Đọc thông tin SGK T159, 160, kết hợp quan sát hình 49.1, 49.2 -> hoàn thành phiếu học tập số 2.

Đặc điểm	Hình dạng cơ thể	Chi trước	Chi sau
Tên ĐV			
Dơi			
Cá voi			

- Kẻ phiếu học tập số 2 lên bảng
 - Cho các nhóm lựa chọn để tìm hiểu số lựa chọn các phương án
 - Dựa vào đâu mà các em lại lựa chọn những đặc điểm này
 - Thông báo đáp án đúng

H. Dơi có đặc điểm nào thích nghi với đời sống bay lượn?

H. Cấu tạo ngoài cá voi thích nghi với đời sống trong nước thể hiện như thế nào?

- Cá nhân tự đọc thông tin và quan sát hình.

- Trao đổi nhóm -> lựa chọn đặc điểm phù hợp để hoàn thành phiếu học tập

Yêu cầu:

- Dơi:
 - + Cơ thể ngắn, thon nhỏ.
 - + Cánh rộng, chân yếu.
 - Cá voi:
 - + Cơ thể hình thoi.
 - + Chi trước biến đổi thành vây bơi.
- Đại diện các nhóm lên bảng viết nội dung, nhóm khác theo dõi nhận xét và bổ sung.
- HS theo dõi phiếu và tự sửa chữa.

HS dựa vào nội dung phiếu học tập 2 vừa hoàn thiện để trình bày

Đáp án bảng phụ

Đặc điểm Tên động vật	Hình dạng cơ thể	Chi trước	Chi sau
Dơi	Thon nhỏ	Biến đổi thành cánh da (mềm rộng nối chi trước với chi sau và đuôi)	Yếu -> bám vào vật -> không tự cất cánh.
Cá voi	Hình thoi thon dài, cổ không phân biệt với thân	Biến đổi thành vây bơi dạng bơi chèo(có các xương cánh, xương ống, xương bàn).	Tiêu giảm

3. Củng cố:

- GV chốt lại kiến thức
- HS đọc kết luận sgk T161

4. Kiểm tra đánh giá:

* Đánh dấu x vào câu trả lời đúng: Cách cất cánh của dơi là:

- a. Nhún mình lấy đà từ mặt đất.
- b. Chạy lấy đà rồi vỗ cánh
- c. Chân dõn vật bám, buông mình từ trên cao

H. Trình bày những đặc điểm của cá voi thích nghi với đời sống bơi lặn trong nước?

V. DẶN DÒ: - Học bài và đọc mục em có biết.

- Đọc trước bài mới.

RKN:

.....

